

BÀI TẬP MÔN TRIẾT HỌC

Câu 1. Phân tích mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn

PHẠM TRÙ THỰC TIỄN VÀ PHẠM TRÙ LÝ LUẬN

Phạm trù thực tiễn

- *Quan điểm về thực tiễn trong triết học trước Mác:*
 - + Can tơ coi thực tiễn chỉ là thực tiễn đạo đức và chính trị
 - + Hêghen coi thực tiễn không phải là hoạt động vật chất mà chỉ là hoạt động tinh thần, là “suy lý lôgic”.
 - + L.Phoiơbắc coi lý luận mới là hoạt động chân chính của con người, còn thực tiễn chỉ là hoạt động mang tính con buôn bản thủ.

Kết luận: quan niệm về thực tiễn trong triết học trước Mác không khoa học, phần lớn có tính chất duy tâm. Các nhà triết học trước Mác không thấy được vai trò của thực tiễn đối với nhận thức (mặc dù có thấy vai trò của thực nghiệm khoa học).

- *Quan niệm về thực tiễn của triết học Mác – Lênin:*
 - + Khái niệm thực tiễn: Thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất có mục đích mang tính LS - XH của con người nhằm cải tạo tự nhiên, XH và bản thân con người.

* Hoạt động vật chất: sử dụng phương tiện vật chất tác động vào đối tượng vật chất nhất định nhằm cải tạo chúng theo mục đích và nhu cầu của con người.

* Tính lịch sử-xã hội: Tính xã hội - hoạt động của số đông, của xã hội với các quan hệ xã hội cụ thể, được thực hiện trong cộng đồng, vì cộng đồng, do cộng đồng; Tính lịch sử - gắn với trong không gian, thời gian cụ thể các điều kiện, phương tiện vật chất nhất định và mục đích hoạt động cụ thể.

+ Hoạt động thực tiễn mang tính tất yếu nhưng là tất yếu có ý thức, là hoạt động có mục đích, có tính toán nhằm đáp ứng yêu cầu của con người và xã hội.

- *Các hình thức cơ bản của thực tiễn:*
 - + Hoạt động SX VC – Dạng hoạt động cơ bản nhất và là hạt nhân của thực tiễn.
 - + Hoạt động chính trị xã hội nhằm cải biến các quan hệ xã hội theo hướng tiến bộ - Dạng hoạt động rất quan trọng của thực tiễn.
 - + Hoạt động thực nghiệm khoa học – Dạng đặc biệt của thực tiễn.
 - *Chức năng của thực tiễn:* cải tạo tự nhiên, cải tạo xã hội, cải tạo con người.

Phạm trù lý luận

- Lý luận là hệ thống những tri thức được khái quát từ thực tiễn, phản ánh những mối liên hệ bản chất, những quy luật của sự vật, hiện tượng.

- Lý luận là kết quả của quá trình nhận thức, đó là quá trình đi từ nhận thức cảm tính đến nhận thức lý tính, nhận thức kinh nghiệm đến nhận thức LL và qua đó hình thành nên những lý thuyết và giả thuyết LL. Lý luận là kết quả của quá trình phát triển cao của nhận thức, là hệ thống tri thức chân thực về thế giới, về những mối liên hệ bản chất, quy luật của tự nhiên và xã hội. Giả thuyết là tri thức giả định mà tính chân thực của tri thức chưa được xác nhận, mới chỉ là tri thức có tính xác xuất, có thể đúng, sai.

- *Chức năng của lý luận*: Phản ánh thế giới KQ và phục vụ hoạt động thực tiễn.

Các cấp độ của lý luận

- Lý luận ngành: lý luận khái quát những quy luật hình thành và phát triển của một chuyên ngành nào đó, đóng vai trò cơ sở để sáng tạo tri thức và là phương pháp luận cho hoạt động của ngành đó.

- Lý luận triết học: Hệ thống những quan niệm chung nhất về thế giới và con người, là thế giới quan và PPL nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người.

MỐI QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA LÝ LUẬN - THỰC TIỄN VÀ NHỮNG YÊU CẦU CƠ BẢN CỦA NGUYÊN TẮC THỐNG NHẤT GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

- **Thực tiễn là cơ sở, là động lực, là mục đích và tiêu chuẩn của lý luận; lý luận hình thành, phát triển phải xuất phát từ thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.**

- *Thực tiễn là cơ sở của nhận thức của lý luận*:

+ Thực tiễn là cơ sở của nhận thức: Thực tiễn sáng tạo ra con người – chủ thể của nhận thức, thực tiễn làm bộc lộ những thuộc tính vốn có của thế giới, thực tiễn làm nảy sinh các khoa học.

+ Những tri thức được khái quát thành lý luận đều xuất phát từ kết quả hoạt động thực tiễn của con người. Thông qua kết quả thành bại của thực tiễn, con người phân tích cấu trúc, tính chất cũng như các mối quan hệ của các yếu tố, các điều kiện trong các hình thức thực tiễn để hình thành lý luận.

+ Quá trình hoạt động thực tiễn còn là cơ sở để bổ xung và điều chỉnh những lý luận đã được khái quát.

+ Hoạt động thực tiễn làm nảy sinh những vấn đề mới đòi hỏi quá trình nhận thức phải tiếp tục giải quyết.

- *Thực tiễn là động lực của lý luận*:

+ Thực tiễn đề ra yêu cầu nhiệm vụ cho nhận thức và lý luận, thúc đẩy nhận thức, lý luận phát triển.

+ Thực tiễn làm nảy sinh những mâu thuẫn đòi hỏi phải phát triển lý luận thì mới giải quyết được.

+ Thực tiễn trang bị cho hoạt động thực tiễn những phương tiện kỹ thuật ngày càng tinh vi, hiện đại, qua đó thúc đẩy nhận thức lý luận phát triển.

- *Thực tiễn là mục đích của lý luận:*

+ Nhận thức, lý luận không có mục đích tự thân mà mục đích của nó là phục vụ thực tiễn, phục vụ cuộc sống của con người.

+ Tự thân lý luận không thể tạo nên những sản phẩm đáp ứng nhu cầu của con người. Nhu cầu đó chỉ được thực hiện trong hoạt động thực tiễn. Mục đích của lý luận là phục vụ hoạt động thực tiễn cải tạo tự nhiên, XH theo mục đích của con người, vì lợi ích của con người.

- *Thực tiễn là tiêu chuẩn chân lý của lý luận:*

+ *Các quan điểm sai lầm:*

* Tôn giáo: điều gì được nhiều người tin theo là chân lý (tiêu chuẩn là niềm tin)

* Xôcrat: cái gì được thống nhất với nhau thông qua tranh luận thì đó là chân lý (đặc tính của tư duy)

* R.Đề các: chân lý là những gì rõ ràng, không gây nghi ngờ (tính logic của TD)

* Chủ nghĩa thực chứng: Kinh nghiệm cảm tính, quan sát và thực nghiệm khoa học là tiêu chuẩn kiểm tra một mệnh đề chân thực hay giả dối.

* CN thực dụng: Cái gì đem lại công dụng, lợi ích, hiệu quả thực tế là chân lý.

+ *Quan điểm của CNDVBC:* Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý (đây là nguyên lý khoa học không ai có thể bác bỏ).

* Tính chân lý của lý luận là sự phù hợp của tri thức lý luận với hiện thực khách quan và được thực tiễn kiểm nghiệm. Mọi lý luận phải thông qua thực tiễn kiểm nghiệm, thông qua thực tiễn, những lý luận đạt đến chân lý sẽ được bổ xung vào kho tàng tri thức nhân loại, những kết luận chưa phù hợp với thực tiễn thì tiếp tục điều chỉnh, bổ xung hoặc nhận thức lại.

* Tiêu chuẩn thực tiễn của chân lý vừa có tính tuyệt đối – tính xác định (tiêu chuẩn duy nhất và tối cao) vừa có tính tương đối – tính không xác định (do tính lịch sử và sự biến đổi không ngừng của thực tiễn). Lenin: “Dĩ nhiên không nên quên rằng tiêu chuẩn thực tiễn xét về thực chất không bao giờ có thể xác nhận hoặc bác bỏ một cách hoàn toàn một biểu tượng nào đó của con người, dù biểu tượng ấy là thế nào chăng nữa. Tiêu chuẩn đó cũng khá “không xác định” để không cho phép các hiểu biết của con người trở thành một cái “tuyệt đối”; đồng thời cũng khá xác định để có thể tiến hành đấu tranh quyết liệt chống tất cả các thứ chủ nghĩa duy tâm và bất khả tri”

* Chú ý: không phải mọi thực tiễn đều là tiêu chuẩn của chân lý. Thực tiễn là tiêu chuẩn chân lý của lý luận khi nó đạt đến tính toàn vẹn của nó. Đó là thực tiễn đã trải qua quá trình tồn tại, vận động, phát triển và chuyển hóa. Thực tiễn có nhiều giai đoạn phát triển khác nhau, nếu lý luận chỉ khái quát một giai đoạn nào đó, một bộ phận nào đó của thực tiễn thì lý luận vẫn có thể xa rời thực tiễn. Do đó, chỉ những lý luận nào phản ánh được tính toàn vẹn của thực tiễn thì mới đạt tới chân lý (có thể liên hệ sự thăng trầm của CNXH để minh họa).

- Thực tiễn phải được chỉ đạo bởi LL; ngược lại, LL phải được vận dụng vào thực tiễn, kiểm nghiệm trong TT, tiếp tục bổ sung và phát triển trong thực tiễn

Thực tiễn phải được chỉ đạo bởi lý luận

- Hoạt động của con người là hoạt động có ý thức và muốn đạt hiệu quả nhất thiết phải có lý luận soi đường. Nhờ có lý luận, hoạt động thực tiễn của con người mới trở thành tự giác, có hiệu quả và đạt được mục đích mong muốn.

- Lý luận giúp con người hiểu đúng bản chất, quy luật, xu thế phát triển của sự vật, hiện tượng, lý luận có khả năng định hướng mục tiêu, xác định lực lượng, phương pháp thực hiện và còn có khả năng dự báo khả năng phát triển cũng như các mối quan hệ của thực tiễn, dự báo được những rủi ro, những hạn chế, thất bại có thể có trong quá trình hoạt động. Vì vậy, thực tiễn phải được chỉ đạo bởi lý luận khoa học.

- Lý luận khi thâm nhập vào quần chúng sẽ biến thành hoạt động thực tiễn của quần chúng, sẽ trở thành lực lượng vật chất có sức mạnh cải tạo tự nhiên và xã hội.

Lý luận phải thống nhất với thực tiễn, vận dụng trong thực tiễn, bổ sung, phát triển trong thực tiễn

- Lý luận được khái quát từ thực tiễn là logic của thực tiễn, nhưng thực tiễn cao hơn và phong phú hơn lý luận, thực tiễn lại vận động, biến đổi không ngừng, cho nên lý luận có thể lạc hậu so với thực tiễn. Lý luận cần phải thường xuyên kiểm tra trong thực tiễn, dựa vào thực tiễn để kịp thời bổ sung, điều chỉnh, thậm chí thay đổi cho phù hợp với thực tiễn.

- Thực tiễn là mục đích của lý luận, do đó lý luận phải được vận dụng vào thực tiễn, phục vụ thực tiễn. Khi vận dụng lý luận vào thực tiễn cần phải sáng tạo cho phù hợp với tình hình cụ thể, điều kiện cụ thể, nếu vận dụng lý luận một cách giáo điều, máy móc sẽ làm sai lệch giá trị của lý luận, làm phương hại đến thực tiễn và vi phạm nguyên tắc thống nhất lý luận với thực tiễn.

- Lý luận phải luôn luôn hướng về thực tiễn, chủ động giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra, thường xuyên tổng kết thực tiễn để phát triển, hoàn thiện lý luận.

Kết luận: Thống nhất giữa lý luận với thực tiễn là nguyên tắc căn bản của triết học Mác – Lênin. Trong quan hệ lý luận – thực tiễn thì thực tiễn là tính thứ nhất, lý luận là tính thứ hai, thực tiễn cao hơn lý luận, nhưng lý luận khoa học có thể hướng dẫn, soi đường cho hoạt động thực tiễn.

Ý NGHĨA PHƯƠNG PHÁP LUẬN CỦA NGUYÊN TẮC THỐNG NHẤT GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG GIAI ĐOẠN CÁCH MẠNG HIỆN NAY Ở NƯỚC TA

- Lý luận phải luôn luôn bám sát thực tiễn, phản ánh được yêu cầu của thực tiễn, khái quát được những kinh nghiệm của thực tiễn.

Bản thân thực tiễn luôn vận động, phát triển, biến đổi. Quá trình đó diễn ra rất phức tạp, có lúc tuân theo quy luật, có lúc không tuân theo quy luật. Bởi vậy lý luận phải bám sát thực tiễn.

- Bám sát thực thực tiễn không chỉ phản ánh thực tiễn đương đại mà còn phải so sánh, đối chiếu, phân tích để chọn lọc những thực tiễn mang tính khách quan, mang tính quy luật làm cơ sở cho quá trình hình thành lý luận.

- Nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm thực tiễn Việt Nam và quốc tế để tiếp tục hoàn thiện lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

- Ở Việt Nam hiện nay, “công tác lý luận chưa theo kịp sự phát triển và yêu cầu của cách mạng”, của sự nghiệp đổi mới. Bởi vậy, cần đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, góp phần làm rõ hơn nữa con đường đi lên CNXH ở nước ta – con đường đi lên CNXH bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa đầy khó khăn, phức tạp và chưa có tiền lệ trong lịch sử.

- Hoạt động thực tiễn phải lấy lý luận chỉ đạo, khi vận dụng lý luận phải phù hợp với điều kiện lịch sử - cụ thể

- Lý luận phản ánh thực tiễn dưới dạng quy luật cho nên đóng vai trò phương pháp luận cho thực tiễn. Thực tiễn mà không có lý luận chỉ đạo là thực tiễn mù quáng.

- Không có lý luận cách mạng thì không có phong trào cách mạng. Trong quá trình cách mạng, ĐCSVN luôn luôn lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và TTHCM làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. CN Mác – Lênin và TTHCM có tính khoa học và tính cách mạng, nhưng đòi hỏi phải được vận dụng sáng tạo cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể.

- Sự phát triển phong phú đa dạng và phức tạp của thực tiễn càng đòi hỏi phải vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin và TTHCM nhằm bổ xung, hoàn thiện lý luận về CNXH phù hợp với thực tiễn thời kỳ đổi mới và xu hướng thời đại.

- Khắc phục bệnh kinh nghiệm và bệnh giáo điều

- Bệnh kinh nghiệm và bệnh giáo điều đều là những biểu hiện khác nhau của sự vi phạm nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn.

Bệnh kinh nghiệm

- Bệnh kinh nghiệm là sự tuyệt đối hóa những tri thức kinh nghiệm, coi thường tri thức lý luận, coi kinh nghiệm thực tiễn là tất cả và áp dụng kinh nghiệm một cách máy móc vào hiện tại khi điều kiện đã thay đổi.

- Tri thức kinh nghiệm thông thường là trình độ thấp của tri thức, mới chỉ khái quát thực tiễn với những yếu tố và điều kiện đơn giản, hạn chế. Tri thức kinh nghiệm có vai trò quan trọng giúp con người điều chỉnh kịp thời, nhanh chóng hoạt động thực tiễn, đem lại những thành công nhất định trong phạm vi, môi trường hoạt động quen thuộc. Việc tuyệt đối hóa kinh nghiệm, xem thường LL sẽ dẫn tới bệnh kinh nghiệm.

- Người mắc bệnh kinh nghiệm thường thỏa mãn với kinh nghiệm sẵn có của bản thân, không chịu học tập lý luận, khinh thường trí thức, thiếu nhìn xa trông rộng, dễ bảo thủ, trì trệ.

- Để khắc phục bệnh kinh nghiệm phải quán triệt nguyên tắc thống nhất lý luận với thực tiễn. Một mặt phải tích cực học tập nâng cao trình độ lý luận, mặt khác phải luôn luôn bám sát thực tiễn vận dụng sáng tạo lý luận vào thực tiễn.

Bệnh giáo điều

- Bệnh giáo điều là khuynh hướng tuyệt đối hóa lý luận, tuyệt đối hóa kiến thức đã có trong sách vở, coi nhẹ kinh nghiệm thực tiễn, vận dụng lý luận một cách máy móc, không gắn với những điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của thực tiễn, tách rời lý luận với thực tiễn.

- Biểu hiện của bệnh giáo điều là nắm lý luận chỉ dừng lại ở câu chữ, ở tri thức lý luận chung chung, coi chân lý là bất di bất dịch, không thấy tính cụ thể, tính tương đối của chân lý; hoặc sao chép kinh nghiệm máy móc của nước khác, nơi khác vào nước mình, địa phương mình.

- Nguyên nhân sâu xa của bệnh giáo điều là do hiểu biết lý luận còn nông cạn, chưa nắm chắc thực chất, bản chất của LL, rơi vào “lý luận suông” xa rời thực tiễn.

- Bệnh giáo điều đặc biệt nguy hại, làm tổn hại hoạt động thực tiễn, dẫn đến làm mất lòng tin vào vai trò của lý luận. Đối với chủ nghĩa Mác – Lênin, bệnh giáo điều đã biến CNXH khoa học thành công thức xơ cứng, phiến diện cản trở quá trình đổi mới CNXH hiện thực.

- Để khắc phục bệnh giáo điều, cần phải quán triệt sâu sắc nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Lý luận phải trên cơ sở thực tiễn, khái quát từ thực tiễn, vận dụng sáng tạo trong thực tiễn, kiểm nghiệm trong thực tiễn, phát triển cùng với sự phát triển của thực tiễn.

Câu 2. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội. Từ đó rút ra ý nghĩa phương pháp luận.

- Khái niệm tồn tại xã hội là toàn bộ sinh hoạt vật chất và những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội bao gồm phương thức sản xuất vật chất, điều kiện tự nhiên – Hoàn cảnh địa lý và điều kiện dân số, trong đó phương thức sản xuất vật chất là yếu tố cơ bản nhất, quyết định nhất.

- Khái niệm ý thức xã hội là lĩnh vực tinh thần của đời sống xã hội bao gồm toàn bộ những quan điểm tư tưởng cùng những tình cảm tâm trạng, tập quán, thói quen... của những cộng đồng xã hội, nảy sinh từ tồn tại xã hội và phản ánh tồn tại xã hội trong những giai đoạn phát triển nhất định. Ý thức xã hội có cấu trúc phức tạp, và tùy theo cách tiếp cận, ý thức xã hội có thể được phân chia thành ý thức xã hội thông thường và ý thức lý luận, tâm lý xã hội và hệ tư tưởng xã hội.

- Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội thể hiện trên hai mặt:

+ Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội

Về mặt lý luận, tồn tại xã hội thuộc phạm trù vật chất, ý thức xã hội thuộc phạm trù ý thức, vì vậy, theo nguyên lý của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức thì tất yếu tồn tại xã hội có trước, ý thức xã hội có sau, tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội.

Mặt khác, xét về hiện thực xã hội, ý thức xã hội bao giờ cũng nảy sinh từ tồn tại xã hội, phản ánh tồn tại xã hội. Mỗi khi tồn tại xã hội có sự biến đổi căn bản thì ý thức xã hội sớm hay muộn cũng biến đổi theo. Trong lịch sử xã hội mỗi khi phương thức sản xuất thay đổi thì những tư tưởng và lý luận xã hội về chính trị, pháp quyền, đạo đức, văn hóa, nghệ thuật ...sớm, muộn cũng biến đổi theo. Những thời kỳ lịch sử khác nhau thường có những lý luận, quan điểm tư tưởng xã hội khác nhau là do những điều kiện vật chất khác nhau của đời sống xã hội quy định. Điều này cũng có nghĩa là không phải ý thức con người quyết định sự tồn tại xã hội của con người, mà ngược lại, chính tồn tại xã hội của con người quyết định ý thức tư tưởng của họ. Tuy nhiên, tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội không phải một cách giản đơn trực tiếp mà thường qua các khâu trung gian và điều đó quy định tính độc lập tương đối của ý thức xã hội.

+ Những biểu hiện tính độc lập tương đối của ý thức xã hội:

Thứ nhất, ý thức xã hội thường lạc hậu so với tồn tại xã hội. Điều này thể hiện đặc biệt rõ ở lĩnh vực tâm lý xã hội (truyền thống, tập quán, thói quen...). Nguyên nhân của tình trạng này là do tính phản ánh không kịp thời những biến đổi của tồn tại xã hội, do sức mạnh của thói quen, truyền thống, tập quán cũng như tính bảo thủ, lạc hậu của một số hình thái ý thức xã hội,

do những giai cấp và lực lượng xã hội phản động luôn tìm mọi cách truyền bá những tư tưởng lỗi thời và tập quán lạc hậu.

Thứ hai, ý thức xã hội có thể vượt trước tồn tại xã hội. Ý thức xã hội thường lạc hậu so với tồn tại xã hội, nhưng riêng các tư tưởng khoa học tiên tiến không những không lạc hậu mà còn có thể vượt trước sự phát triển của tồn tại xã hội. Có tình trạng này là do những tư tưởng khoa học tiên tiến phản ánh và nắm bắt được quy luật vận động, phát triển của hiện thực từ đó xác định đúng xu thế vận động tất yếu của hiện thực và trên cơ sở đó có thể dự báo được tương lai.

Thứ ba, ý thức xã hội có tính kế thừa trong sự phát triển của mình. Ý thức xã hội không chỉ do tồn tại xã hội quyết định mà còn phát triển trên cơ sở kế thừa những ý thức tư tưởng của quá khứ. Trong xã hội có giai cấp, tính chất kế thừa của ý thức xã hội gắn liền với tình giai cấp của nó. Mỗi giai cấp bao giờ cũng căn cứ vào lợi ích và nhu cầu hiện tại của giai cấp mình để quyết định kế thừa cái gì, kế thừa như thế nào từ những di sản ý thức tư tưởng của những thời đại trước. Các giai cấp tiên tiến bao giờ cũng tiếp nhận những di sản tư tưởng tiến bộ của xã hội cũ để lại, ngược lại những giai cấp lỗi thời, phản động lại tiếp thu những tư tưởng, lý thuyết xã hội phản tiến bộ của những xã hội cũ.

Thứ tư, Sự tác động qua lại lẫn nhau giữa các hình thái ý thức xã hội trong sự phát triển của chúng. Trong sự tác động đó, thường thì mỗi thời đại lịch sử, sẽ có những hình thái ý thức xã hội nào đó nổi lên hàng đầu tác động mạnh mẽ đến các hình thái ý thức xã hội khác. Nhưng nói chung, trong sự tác động lẫn nhau giữa các hình thái ý thức xã hội thì ý thức chính trị có vai trò đặc biệt quan trọng. Ý thức chính trị không chỉ giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội mà còn chi phối mạnh mẽ các hình thái ý thức xã hội khác, quy định khuynh hướng giai cấp của chúng.

Thứ năm, ý thức xã hội tác động trở lại tồn tại xã hội. Có thể coi đây là biểu hiện quan trọng nhất thể hiện tính độc lập tương đối của tồn tại xã hội đối với tồn tại xã hội. Ý thức xã hội thường có tác động nhiều chiều, theo những phương thức khác nhau với sự đan xen lẫn nhau giữa các yếu tố tích cực và yếu tố tiêu cực, có thể thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của tồn tại xã hội. Nhìn chung, mức độ ảnh hưởng của ý thức tư tưởng đối với sự phát triển của xã hội phụ thuộc vào mức độ phù hợp giữa tư tưởng với hiện thực mà nó phản ánh, vào vai trò lịch sử của giai cấp mang ngọn cờ tư tưởng vào mức độ thâm nhập sâu rộng của tư tưởng vào trong quần chúng nhân dân.

Khái quát lại, có thể thấy, nguyên lý của chủ nghĩa duy vật lịch sử về tính độc lập tương đối của ý thức xã hội đã chỉ rõ bức tranh phức tạp của lịch sử phát triển của ý thức xã hội, nó bác bỏ mọi quan điểm siêu hình, máy móc về mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội.

Từ mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội có thể rút ra những bài học phương pháp luận sau đây:

- Công cuộc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới phải được tiến hành trên cả hai mặt tồn tại xã hội và ý thức xã hội, trong đó thay đổi tồn tại xã hội là điều kiện cơ bản để thay đổi ý thức xã hội.
- Do tính lạc hậu của ý thức xã hội nên cuộc cách mạng tư tưởng văn hóa phải tiến hành lâu dài. Mặt khác, do tính độc lập của ý thức xã hội nên trên cơ sở tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng XHCN, chúng ta cần chủ động đẩy mạnh từng bước cách mạng tư tưởng văn hóa, coi giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu, sớm tạo ra những tiền đề tư tưởng văn hóa để đi ngay vào kinh tế tri thức, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.
- Cần tránh hai khuynh hướng phủ định sạch trơn quá khứ hoặc kế thừa nguyên xi cái cũ trong quá trình cải biến xã hội. Chúng ta phải chủ động kế thừa một cách có chọn lọc những di sản tinh thần và truyền thống lịch sử của dân tộc, nhưng phải gắn với việc xây dựng cái mới, phải “đến hiện đại từ truyền thống”, sức mạnh truyền thống phải hòa nhập vào sức mạnh hiện đại, có như vậy chúng ta mới giữ gìn được bản sắc dân tộc trong khi mở cửa, hội nhập quốc tế, “hòa nhập mà không hòa tan” và luôn luôn “tiến cùng thời đại”.

Câu 3. Phân tích mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

Bản chất của chủ nghĩa duy vật biện chứng là giải quyết đúng đắn vấn đề cơ bản của triết học trên quan điểm thực tiễn.

- Vấn đề cơ bản của triết học: mối quan hệ giữa vật chất và ý thức (giữa tư duy và tồn tại –Ăng ghen). Vấn đề cơ bản của triết học có hai mặt: Mặt bản thể luận giải quyết vấn đề giữa vật chất và ý thức thì cái nào có trước cái nào có sau, cái nào quyết định cái nào? Mặt nhận thức luận giải quyết vấn đề con người có nhận thức được thế giới hay không ?

- Các quan điểm triết học khác nhau trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học:

+ Quan điểm của CNDT: khẳng định ý thức có trước vật chất có sau, ý thức quyết định vật chất, bản chất thế giới là tinh thần ý thức.

+ Quan điểm của CNDV trước Mác: khẳng định vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức, bản chất thế giới là ý thức, nhưng lại cho rằng ý thức hoàn toàn phụ thuộc vào vật chất, không có tác động gì đối với vật chất.

+ Quan điểm của chủ nghĩa nhị nguyên: thừa nhận vật chất và ý thức tồn tại độc lập với nhau, đều là cơ sở của thế giới.

- Quan điểm của CNDVBC:

+ Khẳng định vật chất có trước và quyết định ý thức. Vật chất không chỉ quyết định nội dung phản ánh của ý thức mà còn quyết định cả hình thức biểu hiện và sự biến đổi của ý thức.

+ Khẳng định ý thức con người chỉ là sự phản ánh đối với vật chất và khả năng nhận thức được thế giới của con người.

+ Khẳng định vai trò năng động, tích cực tác động trở lại của ý thức đối với vật chất thông qua hoạt động thực tiễn của con người. Hoạt động thực tiễn là mắt khâu trung gian trong mối quan hệ giữa ý thức của con người với thế giới vật chất.

+ Ý thức tư tưởng không chỉ tác động trở lại thế giới vật chất mà còn có thể chuyển thành lực lượng vật chất một khi nó thâm nhập vào quần chúng nhân dân – những con người hoạt động thực tiễn

+ Sự đối lập giữa vật chất và ý thức vừa có tính tuyệt đối (trong giới hạn nhận thức luận cơ bản thừa nhận cái gì là tính thứ nhất cái gì là tính thứ hai) vừa có tính tương đối (trong nhận thức – trừ nhận thức luận cơ bản và nhất là hoạt động thực tiễn)

VẬN DỤNG MỐI QUAN HỆ VẬT CHẤT – Ý THỨC VÀO SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.

Bài học tôn trọng khách quan, luôn luôn xuất phát từ thực tế khách quan

- Tôn trọng khách quan là quán triệt quan điểm tôn trọng vai trò quyết định của vật chất.

- Trong nhận thức và hành động con người phải xuất phát từ thực tế khách quan (điều kiện vc khách quan, hoàn cảnh khách quan, quy luật khách quan), lấy thực tế khách quan làm cơ sở đề ra chủ trương, phương hướng hành động.

- Chỉ có những mục đích, đường lối, chủ trương xuất phát từ hiện thực khách quan, phản ánh nhu cầu và tính tất yếu của hiện thực mới là đúng đắn, mới trở thành hiện thực.

- Mục đích, chủ trương, đường lối con người đặt ra không được xuất phát từ ý muốn và tình cảm, ý chí chủ quan, cho dù đó là những mong muốn tốt đẹp, cao cả, nếu như nó không phù hợp với thực tế khách quan.

- Khi đã có mục đích, đường lối, chủ trương đúng đắn, phải căn cứ vào thực tế khách quan để tổ chức lực lượng vật chất thực hiện một cách có hiệu quả.

Bài học phát huy tính năng động chủ quan trên cơ sở thực tế khách quan.

- Phát huy tính năng động chủ quan là phát huy tính năng động, sáng tạo của ý thức, phát huy vai trò nhân tố con người trong hoạt động thực tiễn.

- Phát huy tính năng động chủ quan phải trên cơ sở thực tế khách quan, phù hợp với thực tế khách quan.

- Nội dung cơ bản của phát huy tính năng động chủ quan bao gồm:

+ Phải tôn trọng tri thức khoa học, coi trọng vai trò động lực của tri thức khoa học.

+ Phải khoa học hóa sự lãnh đạo và quản lý xã hội. Các chủ trương, chính sách phải có căn cứ khoa học, phải được xây dựng trên các luận cứ khoa học.

+ Phải coi trọng tri thức, phát huy vai trò của tri thức. Có chính sách trọng dụng nhân tài.

+ Phải làm chủ tri thức khoa học, truyền bá tri thức khoa học vào quần chúng để nó trở thành tri thức và niềm tin định hướng cho hoạt động thực tiễn của quần chúng. Muốn vậy, phải nâng cao dân trí, xây dựng xã hội học tập...

+ Phát huy mạnh mẽ vai trò của các nhân tố tinh thần như tình cảm, ý chí, niềm tin, lý tưởng, coi trọng việc giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức...

Sự vận dụng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

- Phải quán triệt bài học tôn trọng quy luật khách quan

- Chống thụ động, bảo thủ, trì trệ, chống chủ quan, duy ý chí

- Xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế - xã hội với đổi mới tư duy, giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị.

- Thực hiện nhất quán chủ trương coi giáo dục cùng với khoa học, công nghệ là quốc sách hàng đầu, thực hiện xã hội hóa giáo dục và xây dựng xã hội học tập.

- Coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phát triển văn hóa tạo nền tảng tinh thần của xã hội

- Xây dựng các chính sách kinh tế chủ yếu dựa trên cơ sở động lực lợi ích vật chất, kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, tập thể, xã hội.